

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 4 - 2021

*“V/v: ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vụ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Văn Hùng;

Ông Huỳnh Văn Lê;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1423/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp Lộc Thạnh, xã Lộc G, huyện C, tỉnh Long An.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1966.

Địa chỉ: khu phố Lộc Thọ, phường Lộc H, thị xã Trảng B, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp Lộc Thạnh, xã Lộc G, huyện C, tỉnh Long An

*(Nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Ch cưới nhau năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Lộc Giang huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 03/3/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông Ch không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 01/3/1988 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 06/01/1995 khi ly hôn do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà R trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Ch được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Ch hiện đang cư trú tại: ấp Lộc Thạnh, xã Lộc G, huyện C, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn Ch chung sống có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông Ch là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Bà Nguyễn Thị R có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà R theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[4] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Ch được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng ông không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà R theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, ông Ch không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị R: Xét bà R và ông Ch phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông bà chưa ly thân nhưng tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà R và ông Ch đã trầm trọng,

cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của bà R là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Về con chung: Xét bà R và ông Ch có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 01/3/1988 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 06/01/1995 đã thành niên, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị R trình bày không có, không yêu cầu không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: bà R là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà R đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 01/3/1988 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 06/01/1995 đã thành niên, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị R trình bày không có, Tòa án không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0007220 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa). Bà R đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC. THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa  
(để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**Nguyễn Thị Vụ**